

Bản án số: 38/2026/HS-ST

Ngày 09-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương.

Ông Phạm Bá Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Ngọc Q, giới tính: Nam; sinh ngày 22 tháng 3 năm 2003, tại xã Đức P, thành phố Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Nơi thường trú: Thôn Trường T, xã Đức P, thành phố Đ; nơi ở hiện tại: Thôn T, xã N, thành phố Đ; Con ông Trương Q1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lê Thị Thanh Q2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Bích T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã N, thành phố Đ. Vắng mặt.

2. Ông Phan Thanh B, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ. Vắng mặt.

3. Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn T, xã T1, thành phố Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 11/11/2025 Trương Ngọc Q điều khiển xe mô tô BKS 92F5-xxx của bạn gái mình là Phan Thị Thanh N, sinh năm 2007, trú thôn T, xã T1, thành phố Đ (xe này do bà Phan Thị Bích T1, sinh năm 1985, trú thôn V, xã N, thành phố Đ đứng tên chủ sở hữu) đi từ phòng trọ tại thôn P, xã N, thành phố Đ đến Bệnh viện Đa khoa Trung ương Q, thuộc thôn N, xã N1, thành phố Đ đi bộ lên tầng 4 của Bệnh viện Đa khoa trung ương Q. Khi đến phòng 401 khoa nhi, Q thấy chị Lê Thị Thanh Q1, sinh năm 2000, trú thôn H, xã N, thành phố Đ đang nằm ngủ ở phòng, có để túi xách bên cạnh nên Q lén lút lấy trộm túi xách rồi đi ra ngoài hành lang. Q kiểm tra bên trong túi xách có 9.500.000 đồng (toàn tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng), Q lấy số tiền 9.500.000 đồng cất vào trong người rồi vút túi xách ở cầu thang, đi thang máy xuống đất rồi điều khiển xe mô tô BKS 92F5-1475 về lại phòng trọ ngủ. Đến sáng ngày 11/11/2025, Q tiêu xài hết 1.500.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng Q cất giấu trong người và đi chơi. Khi nghe thông tin Công an xã N đang điều tra vụ việc nêu trên, biết không thể chối tội nên 13 giờ 30 phút ngày 11/11/2025, Quang đến Công an xã N đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 8.000.000 đồng cho cơ quan Công an xã N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã N kết luận: túi xách nữ màu đen có dòng chữ LOYSAHS tại thời điểm định giá ngày 11/11/2025 có giá trị 50.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSKV5 ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đ đã truy tố bị cáo Trương Ngọc Q, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trương Ngọc Q với mức án tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án: theo nội dung đề nghị tại bản cáo trạng.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 11/11/2025, tại Phòng 401 khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Q, thôn N, xã N1, thành phố Đ, bị cáo Trương Ngọc Q đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 túi xách nữ màu đen có dòng chữ LOYSAHS trị giá 50.000 đồng, bên trong có số tiền 9.500.000 đồng của chị Lê Thị Thanh Q1. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 9.550.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), do đó Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đ truy tố đối với bị cáo với tội danh và Điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và làm mất an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm với bị cáo mới đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do bị cáo Trương Ngọc Q có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo mà chỉ cần áp dụng loại hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Thanh Q1 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Số tiền trộm cắp đã trả lại cho bị hại; 01 túi xách nữ màu đen có dòng chữ LOYSAHS (Túi có kích thước chiều cao 10cm, chiều ngang 20cm, chiều rộng 06cm) đã trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô BKS 92F5-1475 do bà Phan Thị Bích T đứng tên chủ sở hữu và sau đó bán lại cho ông Phan Thanh B, sinh năm 1977; trú thôn T, xã T1, thành phố Đ. Vào ngày 10/11/2025 ông B cho con gái là Phan Thị Thanh N mượn xe đi làm, N để xe ở phía trước phòng trọ rồi ngủ tại phòng trọ với Q; Ông B và N không biết việc Q dùng xe mô tô BKS 92F5-1475 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc Q phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc Q 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 09-02-2026.

Giao bị cáo Trương Ngọc Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đ;
- VKSND khu vực 5;
- VKSND tp Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an tp Đ;
- Sở Tư pháp thành phố Đ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Đ;
- Phòng THADS khu vực 5 – Đ;
- Bị cáo, người TGGT khác; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Huỳnh Lý

(Đã giải thích án treo cho bị cáo)